

CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA CỦA ĐẾ QUỐC ANH VÀ ĐẾ QUỐC PHÁP

HỆ QUẢ NHÌN TỪ HAI PHÍA

ĐỖ THANH BÌNH*
TRINH NAM GIANG**

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến giai đoạn tột cùng của nó: Giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền và nhu cầu về thuộc địa càng trở nên cấp thiết đối với tất cả các nước đế quốc. Bằng ưu thế của các nước có nền kinh tế tư bản phát triển sớm hơn, đế quốc Anh và đế quốc Pháp đã nhanh chóng xây dựng cho mình những hệ thống thuộc địa đứng đầu thế giới cả về diện tích và dân số. Là hai đại diện tiêu biểu nhất cho *chủ nghĩa thực dân kiểu cũ*, với nhu cầu phát triển chung nền kinh tế đế quốc và nguy cơ giảm sút địa vị của các nước tư bản "già", thực dân Anh và Pháp đã cùng thực hiện ở thuộc địa của mình những chính sách tương đối giống nhau như: Thực hiện việc cai trị trực tiếp, *chia để trị*, *hợp để trị* về chính trị; Khai thác, bóc lột tàn tệ về kinh tế trên cơ sở vãn duy trì những quan hệ sản xuất tư bản và du nhập thêm quan hệ sản xuất tư bản; Nắm độc quyền về ngoại thương; Thực hiện đồng hoá về văn hoá; Hạn chế phát triển giáo dục... Nhưng để phục vụ tốt nhất, hiệu quả nhất cho nhu cầu của chính quốc, bên cạnh những chính sách chung, hai nước đế quốc Anh và Pháp

còn chú ý tạo ra những lối hành xử riêng đối với thuộc địa mang đậm bản chất, đặc trưng của mình nhằm xây dựng nên những thuộc địa *kiểu Anh* hoặc *kiểu Pháp*. Tất cả những chính sách thuộc địa này đã để lại hệ quả sâu sắc đối với cả hai phía thực dân và thuộc địa trong lịch sử trước đây và cả hiện nay. Nhằm khắc họa sâu sắc thêm về vấn đề chủ nghĩa thực dân và thuộc địa, chúng tôi tiến hành xem xét một số hệ quả nổi bật của chính sách thuộc địa của Anh và Pháp từ cả hai phía thực dân cũng như các thuộc địa trên cơ sở chú ý khai thác các điểm chung và riêng.

I. ĐỐI VỚI THỰC DÂN ANH VÀ PHÁP

Có thể nói, sự tác động của tinh thần thời đại chủ nghĩa đế quốc đã khiến mối quan hệ giữa Anh và Pháp về vấn đề thuộc địa trở nên hết sức phức tạp: Lúc thì tranh giành, căng thẳng, lúc lại thoả hiệp, hợp tác. Quan hệ tranh giành đã trở thành tất yếu đối với các nước đế quốc khi mà nhu cầu thuộc địa đã trở nên vô cùng bức thiết và những mảnh đất "vô chủ" thì chẳng còn bao nhiêu. Chúng ta có thể nhận thấy rất rõ sự căng thẳng ấy trong quan hệ Anh -

* PGS. TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

** Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Pháp khi hai đế quốc này đụng độ nhau về quyền lợi ở châu Phi, nổi bật nhất là quyền lợi ở Ai Cập (vụ kênh đào Suez), Xudăng (vụ Phasôda)... Năm 1898, tại làng Beticubas ở Tây Ni-giê, quốc kì Anh và quốc kì Pháp kéo lên chỉ cách nhau 800 thước. Bộ trưởng Bộ thuộc địa Anh đã từng tuyên bố: *"Chúng ta cần nếu đi đến chiến tranh cũng được. Chiếm vùng đất bên trong bờ biển của Lagôt và những phần đất của Nigô. Chúng ta không thể để cho (người Pháp) diễn lại sự kiện ở Găng-đi và Si-ê-ra Lêôn nữa"* (1). Nhưng rồi sự căng thẳng cuối cùng cũng phải dịu xuống và giải pháp *"hợp tác"* đã được lựa chọn. Ở châu Phi, Pháp buộc phải nhường Ai Cập cho Anh và rút lui khỏi vùng Phasôda, không dám tranh chấp Đông Xu-đăng với Anh. Ở châu Á, Pháp chấp nhận giải pháp của Anh biến Xiêm thành *"vùng đệm"* giữa khu vực thuộc địa của Anh và của Pháp và cuối cùng đành để Xiêm trở thành nơi ảnh hưởng nhiều hơn của Anh. Ngược lại, năm 1946, Anh lại tạo bàn đạp cho Pháp quay trở lại Đông Dương. Sự *"hợp tác"* được xuất phát từ quyền lợi chung của hai nước đế quốc "già" - hai đế quốc có hệ thống thuộc địa lớn nhất, nay buộc phải dựa vào nhau để chống lại cuộc đấu tranh chia lại thuộc địa của các nước đế quốc "trẻ" có tiềm lực kinh tế mạnh, mà hùng hổ nhất là Đức. Một điều khá thú vị là hầu như trong các cuộc *"hợp tác"*, đế quốc Pháp luôn là nước nhận thiệt và chịu thiệt thòi hơn. Lời giải thích được nằm ở tiềm lực kinh tế mạnh hơn của Anh và sự đe dọa trực tiếp của nước Đức đối với Pháp. Từ sự *"hợp tác"* về vấn đề thuộc địa, Anh và Pháp dần xích lại gần nhau và cùng đứng trong một phe đế quốc, đó là phe Hiệp ước để tham gia Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất. Thắng lợi của phe Hiệp ước trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất đã khẳng định tính hiệu quả của sự *"hợp tác"*

này mà trước hết là nó đã đem lại thêm chỗ mỗi nước đế quốc "già" số thuộc địa chiếm được của các nước bại trận.

Việc bóc lột thuộc địa đã đem lại nguồn lợi rất lớn cho cả Anh và Pháp, nhưng lại làm cho nền kinh tế của các nước này ngày càng phát triển thụ động, mang tính chất ăn bám và mất tính cạnh tranh. Đó là hậu quả chung được nhìn thấy từ những đặc điểm ở thuộc địa của cả hai nước. Các nước này chiếm độc quyền mua bán ở các thuộc địa của mình và đã biến thuộc địa trở thành nơi tiêu thụ hầu hết hàng hoá, nơi cung cấp thường xuyên một khối lượng lớn các sản phẩm cần thiết cho chính quốc. Việc tiêu thụ áp đặt đối với thuộc địa và sự nhập khẩu ồ ạt, dễ dàng bởi thuế quan thấp đã không tạo ra được cơ chế kích thích cho sản xuất trong nước mà ngược lại, nó tạo ra sự thụ động rất lớn cho kinh tế của chính quốc. Việc độc quyền thuộc địa đã dần làm mất đi tính cạnh tranh của kinh tế Anh, Pháp và do đó, các nước này ngày càng tụt hậu so với các nước tư bản "trẻ" như Mĩ, Đức. Và như thế có nghĩa là thuộc địa là thế mạnh giữ lại địa vị cho đế quốc Anh, Pháp, nhưng đồng thời chính nó lại khiến cho hai đế quốc này không thể phát triển thêm địa vị của mình được nữa.

Việc bóc lột thuộc địa còn mang lại thêm một hệ quả khác cho Anh và Pháp. Đó là nhờ bóc lột thuộc địa, tư sản Anh, Pháp ngày càng trở nên giàu có, thu được nhiều lợi nhuận khổng lồ. Điều này tạo điều kiện cho giai cấp tư sản tiến hành mua chuộc một bộ phận công nhân, thường gọi là *"công nhân quý tộc"*, biến bộ phận này trở thành *"con ngựa thành Troia"* trong phong trào công nhân, từ đó thực hiện phá hoại đối với phong trào công nhân. Tình hình này diễn ra điển hình nhất ở nước Anh - nước có hệ thống thuộc địa rộng lớn và giàu có nhất.

Có thể nói thuộc địa giúp cho tư sản Anh, Pháp giải quyết hiệu quả hơn một số vấn đề xã hội nan giải, nhất là vấn đề đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động.

Bên cạnh những hệ quả chung, những hệ quả khác do các chính sách thuộc địa riêng tạo ra cũng rất đáng chú ý. Với chính sách khôn khéo, mềm dẻo của mình, thực dân Anh đã lập nên mô hình thuộc địa độc đáo là các lãnh thổ tự trị và đặt chúng trong cùng một tổ chức mà người ta quen gọi là *Khối Liên hiệp Anh*. Chính mối quan hệ với các nước thuộc khối này đã giúp nước Anh chịu đựng các cuộc khủng hoảng kinh tế trong thế kỷ XX tốt hơn bất cứ những quan hệ đối ngoại nào. Từ năm 1929 đến năm 1939, tỉ lệ hàng nhập khẩu từ Khối Liên hiệp tăng từ 26% lên 38% trong tổng số nhập khẩu của Anh và tỉ lệ xuất khẩu sang khối này trong tổng số xuất khẩu của Anh cũng tăng từ 40% lên 45% (2). Hơn nữa, các lãnh thổ tự trị còn là những đồng minh chính trị rất quan trọng và trung thành với chính quốc. Trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất, quân đội của các quốc gia này đã tham gia và đóng góp vào thắng lợi của quân Anh. Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, với vai trò tích cực tham gia cùng phe thắng trận, mỗi xứ tự trị đã giành cho mình một lá phiếu ở Hội Quốc liên và điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo ưu thế tiếng nói của người Anh trên chính trường thế giới. Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Khối Liên hiệp Anh ngày càng chuyển biến theo hướng từ một tổ chức liên hiệp thuộc địa thành một tổ chức quốc tế hiện đại. Điều ấy được thể hiện nổi bật ở sự kiện Ấn Độ giành được độc lập và tham gia Khối Liên hiệp Anh với một tư cách hoàn toàn mới: Tư cách một quốc gia tự chủ có thể chế cộng hoà. Thực ra, để chấp nhận sự biến chuyển này, Chính phủ Anh đã phải cân nhắc rất

nhiều bởi một thành viên cộng hoà với người đứng đầu quốc gia là Thủ tướng hay Tổng thống được phép tồn tại trong Khối Liên hiệp Anh sẽ vi phạm nghiêm trọng đến tính nguyên tắc đã ràng buộc các nước thành viên. Đó là trung thành với nhà vua Anh. Nhưng cuối cùng, trên cơ sở xác định “cắt đứt quan hệ với Ấn Độ được coi như là đòn nghiêm trọng đánh vào sự tồn tại của Khối Liên hiệp Anh vì điều đó tước đi của khối này gần 2/3 dân số và phần lớn lãnh thổ, làm giảm sút tiềm lực kinh tế và tổn thất uy tín của khối châu Á và trên toàn thế giới” (3), Chính phủ Anh đã tìm mọi cách tiến hành thoả hiệp để tiếp nhận thành viên Cộng hoà Ấn Độ (1949). Sự kiện này đã mở ra một thời kì mới, thời kì mà các quốc gia châu Á và châu Phi vốn là thuộc địa Anh sau khi giành được độc lập đã được kết nạp thành thành viên của Khối Liên hiệp Anh. Khối Liên hiệp Anh hiện đại đã được khai sinh và trở thành một Khối Liên hiệp đa sắc tộc. Tất cả các thành viên của nó (trừ Mozambique gia nhập vào tháng 11 năm 1995) đều có mối quan hệ mang tính lịch sử với nhau (vốn là thuộc địa, khu vực bảo hộ hoặc lãnh thổ tự trị của đế quốc Anh), đều sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức duy nhất và thừa nhận vương triều Anh là biểu tượng của hiệp hội tự do, là người đứng đầu Khối Liên hiệp Anh về danh nghĩa. Như vậy, có thể nói rằng với chính sách mềm dẻo và khôn khéo, thực dân Anh đã xây dựng thành công tổ chức liên hiệp các thuộc địa của mình, biến nó thành một đồng minh tin cậy và vững chắc cho chính quốc.

Mặc dù sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Khối Liên hiệp phát triển theo hướng hiện đại, tích cực và tiến bộ hơn với sự tham gia của các nước cộng hoà, song thông qua những quy định chung, nước Anh trên thực tế vẫn tạo ra được những ràng buộc

nhất định đối với các thành viên, từ đó vẫn duy trì địa vị đứng đầu và ảnh hưởng lớn của mình về chính trị. Đây có thể coi như một sự vớt vát thành công chút địa vị “chính quốc” của nước Anh sau khi hệ thống thuộc địa đã tan rã. Những chính sách, hành động linh hoạt như trên đã khiến người ta nhận thấy Anh sớm có hình bóng của chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Có phải chăng với mô hình lãnh thổ tự trị và cách duy trì Khối Liên hiệp Anh, chính nước Anh là nước tiên phong thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới? Và có lẽ, ở góc độ nào đó, nó có mối quan hệ gần gũi, mật thiết với Mỹ - một nước áp dụng chính sách thực dân kiểu mới điển hình nhất?

Trong khi nước Anh đạt được những thành công như vậy, thì nước Pháp dù cũng rất cố gắng thành lập nên khối liên hiệp của mình, nhưng trên thực tế, tổ chức đó không thể tồn tại bởi những chính sách cai trị trực tiếp, cứng nhắc của thực dân Pháp, đã khiến cho các thuộc địa không hề muốn chấp nhận một sự hợp tác mang tính lừa bịp nào của chính quốc. Tình cảnh cùng cực của nhân dân thuộc địa Pháp đã thúc đẩy họ đấu tranh quyết liệt để thoát hoàn toàn khỏi sự lệ thuộc vào chính quốc, có như thế họ mới có cơ hội phát triển cùng các quốc gia độc lập khác. Cũng có trường hợp như nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946 đã kí Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 với Chính phủ Pháp chấp nhận là “*một quốc gia tự do trong Khối Liên hiệp Pháp*” tức là thừa nhận sự tồn tại của Liên hiệp Pháp. Song, đó chỉ là một giải pháp tình thế, mang tính sách lược mềm dẻo, tạm thời. Và thực tế lịch sử đã chứng minh sự chiến đấu dũng cảm, quyết liệt của nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp, làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ “*lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu*”, đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp ở Đông Dương và

đánh dấu mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên phạm vi thế giới.

Tóm lại, hai hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất thế giới vừa mang tính chung, vừa có nét đặc thù, đã tạo ra những hệ quả khá quan trọng đối với sự phát triển và mối quan hệ của hai đế quốc Anh và Pháp. Sau khi hệ thống thuộc địa sụp đổ, thời gian đầu, các nước thực dân rơi vào khủng hoảng, đặc biệt là Pháp với những thất bại nặng nề ở Đông Dương, còn sau đó, Anh đã nhanh chóng lấy lại thăng bằng hơn với sự giúp sức của Khối Liên hiệp Anh. Không còn mối dây liên hệ về thuộc địa, Anh và Pháp đã phát triển khá độc lập với nhau và tìm thấy sự gắn bó nhiều hơn, quan trọng hơn trong quyền lợi ở châu Âu. Cả hai cũng đều có những lối ứng xử riêng đối với các thuộc địa cũ theo xu thế chung của thế giới là hoà bình, hợp tác, bình đẳng, hai bên cùng có lợi. Với Anh, nó được thể hiện qua mối quan hệ trong Khối Liên hiệp Anh, còn với Pháp, chủ yếu qua các mối quan hệ song phương. Tuy vậy, những mối quan hệ với các thuộc địa cũ của cả Anh và Pháp đều tạo ra những thế mạnh riêng và đều hướng tới mục đích chung. Đó là mong muốn cải thiện mối quan hệ cũ trong lịch sử theo hướng hợp tác tích cực, hai bên cùng có lợi và thông qua đó khơi dậy, củng cố lại ảnh hưởng của mình.

II. ĐỐI VỚI CÁC THUỘC ĐỊA

Sự giống và khác nhau trong chính sách thuộc địa của Anh và Pháp cũng đã mang lại những hệ quả chung và riêng cho các thuộc địa, trong đó, những hệ quả chung là cơ bản và mang tính quyết định nhất. Điều này thể hiện trước tiên ở việc các nước này đều phải cùng “thừa hưởng” một di sản đặc biệt nặng nề do chế độ thuộc địa để lại. Đó là một nền kinh tế què quặt, biến dạng, chủ

yếu phục vụ nhu cầu khai thác của chính quốc, hầu như không có công nghiệp nặng; Những mối quan hệ chính trị ngổn ngang do chính sách “chia để trị” và “hợp để trị” của thực dân; Một nền văn hoá lai căng giữa các yếu tố Âu châu với các yếu tố bản xứ; Một xã hội tồn tại rất nhiều giai cấp, cả cũ cả mới với trình độ dân trí vô cùng hạn chế... Với những “di sản” này, sau khi giành độc lập, các nước thuộc địa cũ đã phải vất vả trong việc đấu tranh, cải tạo chúng, từ đó mới bắt tay thực sự được vào công cuộc xây dựng đất nước. Công cuộc khôi phục và phát triển đó không phải ở nước thuộc địa cũ nào cũng thực hiện suôn sẻ và nhanh chóng thành công. Có nhiều nước do không giải quyết nổi các khó khăn lúc ban đầu đã chọn giải pháp tạm thời quay lại dựa vào chính quốc cũ, tức là chấp nhận một sự lệ thuộc mới với những thoả hiệp của đế quốc đó, rõ nhất là trường hợp các thuộc địa Anh. Và cũng vì nền độc lập còn chưa vững chắc, tồn tại nhiều yếu kém do hoàn cảnh khách quan, hầu hết các thuộc địa cũ này lại trở thành mục tiêu, đối tượng của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Để chứng minh rõ hơn những “di sản” do thực dân để lại, chúng ta có thể tìm hiểu vài nét về hai “di sản” phổ biến nhất ở các thuộc địa sau giải phóng, đó là nạn đói và nạn dốt. Người ta đã thống kê được rằng, ngay trong thời kì còn dưới ách thực dân, bản thân các nước thuộc địa là nơi xuất khẩu và cung cấp lương thực chủ yếu cho chính quốc, nhưng nhân dân thuộc địa vẫn bị chết đói và số người chết đói ngày càng gia tăng, tỉ lệ với số lượng lương thực xuất khẩu. Ở Ấn Độ, trong nửa sau thế kỉ XIX, số lượng lương thực xuất khẩu tăng lên hơn 10 lần thì số người dân Ấn Độ chết đói tăng lên 37,5 lần. Sau khi giành được độc lập, Ấn Độ có 80% dân số sản xuất lương thực

nhưng vẫn là một nước thiếu lương thực. Tình hình đó cũng diễn ra tương tự ở Việt Nam thuộc Pháp, sự cấu kết bóc lột thuộc địa giữa thực dân Pháp với quân phiệt Nhật từ năm 1940 đã gây ra nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945, làm chết gần 2 triệu người dân. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam có gần 90% dân số là nông dân, nhưng nguy cơ của một nạn đói mới vẫn còn đe dọa... Về nạn dốt, theo một cuộc điều tra của Hội đồng bảo trợ Liên hợp quốc, vào những năm 50, tỉ lệ trẻ em đi học ở Angiêri là 15%, Tuynidi là 17%, châu Phi đen là 10 - 15%. Tỉ lệ mù chữ ở các thuộc địa rất cao: Xu-đăng là 99,9%, Nam Phi là 90%, Ấn Độ là 92% (năm 1950) và ở Việt Nam là hơn 90% (năm 1945)... Chính sách ngu dân của chủ nghĩa thực dân chính là cơ sở dẫn đến hậu quả này.

Có thể nói, hệ quả tiêu cực do chế độ thực dân để lại cho các thuộc địa cũ là rất nặng nề. Chính chủ nghĩa thực dân bề ngang và làm biến dạng quá trình phát triển tự nhiên của các thuộc địa, biến các thuộc địa trở thành “cái đuôi”, chuyên cung cấp những gì chính quốc cần và gánh hộ những hậu quả khủng hoảng, thiệt hại của chính quốc. Với hệ quả ấy, các thuộc địa cũ sau khi giành độc lập đã phải nỗ lực rất nhiều trong cải tạo, xoá bỏ tàn tích quá khứ và có như thế, họ mới thực sự có được sự phát triển độc lập, vững bền cho chính mình.

Bên cạnh những hệ quả tiêu cực, các thuộc địa Anh và Pháp còn có chung với nhau một số hệ quả có thể nói là tích cực. Cũng như C. Mác đã từng phân tích về sự thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ, chủ nghĩa thực dân kiểu cũ nói chung khi thống trị thuộc địa sẽ phải thực hiện một quá trình gồm hai mặt: *Mặt phá hoại và mặt*

xây dựng. Cả hai mặt này đều thể hiện rất rõ thông qua các đặc điểm của thuộc địa và điều đáng chú ý ở đây là: Cả mặt phá hoại và mặt xây dựng này đều có khả năng tạo ra những hệ quả tích cực cho xã hội thuộc địa, nhưng đậm nét hơn cả vẫn là mặt xây dựng. Về mặt phá hoại, khi tiến hành đặt ách cai trị lên thuộc địa, mặc dù theo đặc thù của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ là vẫn giữ lại cơ bản sự thống trị của giai cấp cũ, nhưng đối với thực dân Anh và Pháp, để đảm bảo cho sự cai trị tuyệt đối, thống nhất và hiệu quả của mình, đã tiến hành xoá bỏ, phá vỡ một số điểm lạc hậu của xã hội trước đây như: Làm phá sản các công xã nông thôn (ở Ấn Độ thuộc Anh), gia giảm hoặc tước quyền của các tiểu vương để thống nhất các tiểu vương quốc dưới sự điều khiển của thực dân, chấm dứt tình trạng chia cắt, xé lẻ lãnh thổ và những xung đột vũ trang giữa các bộ lạc hoặc các tiểu vương quốc... Sự phá hoại này đã giúp giảm bớt đi những tàn tích nặng nề của chế độ cũ và đồng thời cũng tạo ra cơ sở cho chủ nghĩa thực dân tiến hành mặt xây dựng. Mặt xây dựng của chủ nghĩa thực dân Anh và Pháp ở thuộc địa chủ yếu biểu hiện ở việc đưa các yếu tố xã hội phương Tây vào thuộc địa nhằm mục đích để cai trị và khai thác thuộc địa có hiệu quả cao hơn và phục vụ cho đời sống giới thực dân ở thuộc địa. Mặt xây dựng này thể hiện rõ hơn ở các thuộc địa Anh, nhất là về kinh tế. Mặc dù, mặt xây dựng của thực dân Anh và Pháp không nhằm mang lại lợi ích cho thuộc địa, nhưng do sự phát triển khách quan, những yếu tố xây dựng của thực dân đã thực sự làm thay đổi bộ mặt thuộc địa. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với công nghiệp, khoa học kỹ thuật đã xuất hiện ở các thuộc địa, dù theo lối áp đặt và còn rất phiến diện, nhỏ bé, nhưng đã tạo ra được

những cơ sở đầu tiên cho sự phát triển kinh tế của thuộc địa theo một hướng mới, tiếp cận với trình độ của thế giới. Những yếu tố văn hoá tích cực của phương Tây du nhập vào thuộc địa, nhất là báo chí và giáo dục sẽ tạo ra những nhân tố, lực lượng mới để cải tạo xã hội. Các trí thức người bản xứ được đào tạo theo phương pháp phương Tây, đã sớm được tiếp xúc với văn hoá, khoa học cùng các kiến thức cần thiết để xây dựng đất nước và chính họ, với vốn tiếng Anh, tiếng Pháp, những cơ hội du học ở chính quốc, sẽ là những người đầu tiên nhận thức được tình cảnh của dân tộc, có nhiều khả năng nhất trong việc tìm ra con đường giải phóng dân tộc và lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đúng đắn. Phải chăng vì thế mà người ta đã từng nói rằng, những người bản xứ chống Pháp sâu cay nhất là những người giỏi tiếng Pháp nhất và "*con đường sang nước Pháp là con đường chống nước Pháp*"? (4). Bên cạnh đó, việc thực dân Anh và Pháp tổ chức các đơn vị hành chính, xây dựng hệ thống thuế quan, mở rộng giao thông vận tải, phát triển bưu chính viễn thông, xây dựng và huấn luyện quân đội thuộc địa theo kiểu phương Tây... nhằm mục đích phục vụ cai trị, bóc lột nhưng lại tạo ra những yếu tố hiện đại, những khả năng mới cho các thuộc địa mà chính nhân dân thuộc địa đã sử dụng chúng rất hiệu quả trong công cuộc chống chủ nghĩa thực dân và xây dựng đất nước theo hướng tiên tiến sau này. Khi xem xét tình hình Ấn Độ cuối thế kỉ XIX, C. Mác cũng đã chỉ ra rằng, chính mạng lưới dây điện tín của thực dân Anh đã góp phần thống nhất Ấn Độ, việc người Anh tổ chức và huấn luyện quân đội Ấn Độ sẽ tạo điều kiện để Ấn Độ giành được độc lập bằng chính lực lượng của mình và cách sử dụng *hơi nước* do người Anh đem vào đã

tạo ra khả năng liên lạc nhanh chóng trong lãnh thổ Ấn Độ cũng như giữa Ấn Độ với châu Âu và thế giới... Những hệ quả tích cực trên rõ ràng không thể nằm trong ý muốn chủ quan của thực dân Anh, Pháp và thực sự đã vượt khỏi tầm tính toán, kiểm soát của chúng. Ngay cả khi bắt các thuộc địa tham gia vào hai cuộc chiến tranh thế giới để cung cấp sức người, sức của cho chính quốc, thực dân Anh và Pháp cũng đâu biết được rằng, chính trong quá trình chiến đấu bên cạnh người Anh, người Pháp trên chiến trường hoặc làm việc trong các công xưởng phục vụ chiến tranh, những người dân thuộc địa đã hiểu rõ hơn về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân và nhận thức ra vai trò và địa vị mà dân tộc mình phải xứng đáng được hưởng, đó là địa vị của những dân tộc độc lập đã cùng góp phần làm nên chiến thắng cho chính quốc. Đây chính là sự phát triển khách quan của lịch sử tạo nên tiền đề cho nhân dân các nước thuộc địa tự giải phóng mình. Tuy nhiên, như C. Mác đã kết luận về Ấn Độ, chỉ khi nào các thuộc địa giành được độc lập thì mới có thể gạt hái được đầy đủ và trọn vẹn những yếu tố tích cực trên.

Một hệ quả đặc biệt quan trọng nữa đối với các thuộc địa của Anh và Pháp cũng xuất phát từ những điểm giống và khác nhau giữa chúng, đó là về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, về tình đoàn kết, hợp tác và xây dựng đất nước sau khi giành độc lập... Thứ nhất, giữa các thuộc địa đã có một sự khác nhau khá rõ nét trong việc lựa chọn con đường giải phóng dân tộc. Con đường thường thấy ở hầu hết các thuộc địa của Anh là con đường đấu tranh dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, còn các thuộc địa của Pháp (mà Đông Dương là thuộc địa quan trọng và điển hình nhất) lại có xu

hướng chọn con đường giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Sự khác nhau này có thể được giải thích bằng lí do chủ yếu là kinh tế. Chính nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển sớm và mạnh hơn (do được đầu tư) ở các thuộc địa Anh đã tạo ra một giai cấp tư sản tương đối đông đảo, có tiềm lực kinh tế nhất định, có ý thức chính trị cao và do đó đã sớm khẳng định được vai trò lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc của mình. Hơn nữa, chính sách cai trị gián tiếp, mềm dẻo và dần chuyển sang hình thức chủ nghĩa thực dân kiểu mới với mô hình các lãnh thổ tự trị, đã cho thấy ở một mức độ nào đó thực dân Anh có chủ ý tạo điều kiện cho giai cấp tư sản ở thuộc địa phát triển và coi đây là chỗ dựa để duy trì địa vị của mình. Thực tế trong lịch sử phát triển của mình, tư sản Anh rất thành công trong việc "tư sản hoá" kẻ thù giai cấp, biến nó thành những bộ phận có chung quyền lợi và quay trở lại phục vụ tích cực cho mình. Điều đó thể hiện ở những chính sách mua chuộc, biến một bộ phận công nhân thành "công nhân quý tộc" hoàn toàn xa lạ về quyền lợi và mục đích đấu tranh của giai cấp công nhân nói chung; Thể hiện ở việc biến một bộ phận giai cấp phong kiến thành phong kiến tư sản hoá. Đối với thuộc địa, thực dân Anh cũng tiến hành tương tự như vậy. Bên cạnh tạo điều kiện phát triển về kinh tế cho một bộ phận giai cấp tư sản thuộc địa tay sai, thực dân Anh còn tìm ra cách khống chế hiệu quả sự trỗi dậy của giai cấp tư sản dân tộc. Ở Ấn Độ, thực dân Anh cho phép giai cấp tư sản bản xứ thành lập Đảng Quốc đại, thậm chí còn giúp đỡ rất nhiệt tình, nhưng thông qua đó, nó đã nhanh chóng chi phối đường lối của Đảng này, biến nó thành "cái nắp an toàn" cho sự thống trị của Anh. Sự chi phối này diễn ra suốt một thời gian dài và có tác động to lớn

đến phương pháp đấu tranh của giai cấp tư sản bản xứ. Hầu hết các đảng tư sản ở thuộc địa Anh đều lựa chọn đấu tranh theo con đường ôn hoà. Điều đó rất thuận lợi cho thực dân Anh, trước xu thế thời đại sau này, thực hiện việc trao trả độc lập “nhẹ nhàng” cho các thuộc địa mà vẫn giữ được quyền tiếp tục chi phối chúng. Chính sách mềm mỏng với giai cấp tư sản thuộc địa, tạo điều kiện cho giai cấp này phát triển và giành được vị thế trong hệ thống các giai cấp ở thuộc địa trong sự kiểm soát của người Anh, điều đó cũng đồng nghĩa với việc thực dân Anh kìm hãm sự trưởng thành của giai cấp vô sản thuộc địa, khiến giai cấp này có thể đông nhưng không mạnh, thành lập đảng cộng sản muộn và đảng này thường không giành được quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc. Có thể nói những gì mà thực dân Anh áp dụng với giai cấp tư sản và vô sản ở thuộc địa chính là những biểu hiện của một thực dân “mạnh” có ưu thế vượt trội về kinh tế, quân sự và kinh nghiệm cai trị thuộc địa... Bởi những lí do trên, giai cấp tư sản ở thuộc địa của Anh ngày càng có tiếng nói quyết định trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tuy nhiên quyền lợi thì lại ràng buộc với tư bản Anh. Thực tế lịch sử đã chứng minh, dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân các thuộc địa của Anh đã phát triển rất mạnh mẽ từ cuối thế kỉ XIX và đã sớm giành được hầu hết quyền tự trị. Nhưng, hầu hết các thuộc địa của Anh sau khi giành được độc lập lại tham gia vào Khối Liên hiệp Anh dưới sự đứng đầu của Anh, lại tiếp tục đấu tranh giành quyền bình đẳng về thành viên và xây dựng Khối Liên hiệp Anh theo hướng hiện đại. Điều đó như một minh chứng cho sự ràng buộc mật thiết không thể tách rời giữa giai cấp tư sản các thuộc địa và nước Anh. Phải chăng vì thế mà các

cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa Anh thường được coi là không triệt để, điển hình như Ấn Độ, trước khi độc lập đã bị tách thành hai nước: Ấn Độ của những người Ấn Độ giáo và Pakixtan của những người Hồi giáo?

Ở các thuộc địa của Pháp thì ngược lại, nền kinh tế thuộc địa phát triển muộn và thua kém hơn đã khiến cho giai cấp tư sản ở các thuộc địa của Pháp không giành được những ưu thế như giai cấp tư sản ở các thuộc địa của Anh. Thêm vào đó, là kẻ đại diện cho thực dân “yếu” (phát triển kinh tế tư bản muộn và kém hơn Anh trên nhiều lĩnh vực), thực dân Pháp không có khả năng thực hiện được những chính sách mềm mỏng, hiệu quả như Anh. Do vậy, với lực lượng đông đảo hơn, hội tụ đủ các yếu tố chủ quan và khách quan, truyền thống và hiện đại (tinh thần yêu nước, những đặc điểm chung của giai cấp công nhân thế giới, đồng minh tự nhiên với giai cấp nông dân, được trang bị lí luận Mác - Lênin), bị áp bức, bóc lột nặng nề, lại được sự hỗ trợ tích cực từ phong trào công nhân ở thuộc địa của Pháp vốn cũng có truyền thống cách mạng cao, giai cấp công nhân thuộc địa của Pháp đã sớm nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Pháp đã diễn ra rất triệt để, bất chấp những thủ đoạn lừa bịp khôn khéo hay những hoạt động quân sự rầm rộ, ráo riết của thực dân Pháp. Việt Nam chính là một thuộc địa của Pháp rất điển hình về sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc này. Mặc dù Việt Nam đã giành được độc lập dân tộc từ tay quân phiệt Nhật (kể đánh bại thực dân Pháp ở Đông Dương) bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhưng với bản chất ngoan cố, thực

dân Pháp đã núp bóng quân Anh tiếp tục quay trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai với mong muốn khôi phục lại chế độ thuộc địa ở nơi đây. Song, theo con đường cách mạng đã chọn, nhân dân Việt Nam đã tiến hành kháng chiến chống Pháp thắng lợi với đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm 1954, thực sự quét sạch quân Pháp khỏi Đông Dương. Chiến thắng Điện Biên Phủ ở Việt Nam đã được coi là mốc đánh dấu mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. Nó đã đánh bại mưu đồ khôi phục lại hệ thống thuộc địa của một tên thực dân kiểu cũ, ngoan cố, điển hình nhất, đó là thực dân Pháp, mặc dù Pháp đã tìm cả sự giúp đỡ ở nước Mỹ - một đế quốc mạnh nhất bấy giờ.

Thứ hai, trong quá trình đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước, do có những điểm tương đồng, các nước thuộc địa đã có xu hướng liên kết với nhau rất rõ nét. Đối với các thuộc địa của Pháp, sự liên kết đó được biểu hiện ở sự thành lập và hoạt động của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp và tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương... Đối với các thuộc địa của Anh, sự tập trung các thuộc địa cũ trong một tổ chức là Khối Liên hiệp Anh, cùng đấu tranh giành quyền bình đẳng với nước Anh và quan hệ mật thiết với nhau trên nhiều lĩnh vực cũng nói lên sự liên kết đó.

Thứ ba, các thuộc địa của Anh và Pháp trong điều kiện bị cai trị của từng đế quốc có nhiều điểm khác nhau đã hình thành nên những nét đặc thù về con đường phát triển và trình độ phát triển, song vẫn giữ mối quan hệ gắn bó tự nhiên vì cùng chịu nhiều hậu quả giống nhau từ quá khứ thuộc địa. Mối quan hệ liên kết giữa các thuộc địa của Anh và các thuộc địa của Pháp được biểu hiện rất đa dạng như các

quan hệ song phương (ví dụ: Ấn Độ - Việt Nam), các quan hệ ở từng khu vực (châu Phi, Đông Nam Á...) và các quan hệ trong các tổ chức, hội nghị (Hội nghị Liên Á tháng 3 năm 1947 tại New Delhi (Ấn Độ), Hội nghị Á - Phi năm 1955 tại Bandoeng (Indônêxia)... Các mối quan hệ liên kết này ngày càng phát triển theo hướng hợp tác tốt đẹp với mục tiêu cùng giúp nhau vượt qua quá khứ, tiến tới tương lai, xây dựng tình hữu nghị, sự tiến bộ và lợi ích chung...

Thứ tư, bên cạnh sự liên kết giữa các thuộc địa với nhau, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các thuộc địa của Anh và Pháp còn có xu hướng đoàn kết chặt chẽ và mật thiết với phong trào đấu tranh của nhân dân chính quốc. Chính mối quan hệ qua lại sâu sắc giữa chủ nghĩa đế quốc ở chính quốc và chủ nghĩa đế quốc ở thuộc địa mà như Nguyễn Ái Quốc đã ví với hình ảnh "con đũa hai vôi", là cội nguồn cho sự thống khổ chung của nhân dân lao động ở cả chính quốc cũng như thuộc địa, cái "vôi" này là nguồn nuôi dưỡng cho cái "vôi" kia. Muốn chấm dứt sự thống khổ ấy, nhân dân lao động nhất thiết phải chặt đứt hai vôi của con đũa đế quốc. Và đó là cơ sở cho mối quan hệ giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa. Điều này thể hiện rất rõ ở nước Pháp và thuộc địa của nó.

Thứ năm, một điểm cũng rất đáng chú ý về các thuộc địa cũ của Anh và Pháp là mặc dù cùng xây dựng, phát triển đất nước đi lên từ điểm xuất phát là thuộc địa, nhưng những nước vốn là thuộc địa của Anh có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế và hiện nay có nhiều nước phát triển nhanh hơn các nước vốn là thuộc địa của Pháp. Có thể coi chính sách thuộc địa khác nhau của thực dân Anh và thực dân Pháp là một trong những lí do để giải thích điều đó, bởi rõ ràng nhờ chính sách đầu tư mạnh cho

thuộc địa của thực dân Anh, các thuộc địa Anh đã được thừa hưởng một hệ thống cơ sở vật chất - kĩ thuật tốt hơn hẳn so với các thuộc địa Pháp, trong khi đế quốc Pháp lại chú trọng hơn đến xuất khẩu tư bản với hình thức cho vay lấy lãi là chính, ít đầu tư vào thuộc địa. Tuy nhiên, theo người viết, trong thời đại khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng như hiện nay, sự khác biệt đó chỉ mang tính tạm thời và không đóng vai trò chi phối tất cả. Sự nhạy bén, kịp thời và đúng đắn trong đường lối phát triển mới chính là yếu tố quyết định sự phát triển vững bền cho mỗi quốc gia.

Như vậy, hệ quả của các chính sách thuộc địa đối với bản thân đế quốc Anh và

Pháp cũng như đối với các nước thuộc địa là rất to lớn, sâu sắc và cũng được thể hiện cả ở hai mặt: Chung và riêng. Đó là biểu hiện của tính biện chứng, khách quan của lịch sử - xã hội và do vậy xâm lược thuộc địa chắc chắn không phải là giải pháp tốt nhất cho sự phát triển của một quốc gia, nhà nước nào cả. Lịch sử từ giữa thế kỉ XX đến nay đã minh chứng cho sự thật ấy. Thời đại mới đang tạo cơ hội cho các nước Anh, Pháp và các thuộc địa cũ khép lại quá khứ, hướng tới tương lai, cùng xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hai bên cùng có lợi. Đây mới chính là xu hướng của sự phát triển và tiến bộ mà thế giới đang khẳng định.

CHÚ THÍCH

(1). Ray-mông Bac-bê. *Đặc điểm của chủ nghĩa thực dân Pháp*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 39.

(2). Michel Beaud. *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2002, tr. 284.

(3). Bùi Hồng Hạnh. *Quá trình hình thành Khối Liên hiệp Anh*. Luận văn thạc sĩ ngành Lịch sử. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002, tr. 59.

(4). Diacóp, Xóckin. *Quốc tế cộng sản với vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 73.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1). Jacques Arnault. *Lên án chủ nghĩa thực dân*. Phần I: *Những giai đoạn của cuộc xâm lược thực dân*. Paris 1958. Bản đánh máy Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội.

(2). D. G. E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.

(3). Phan Lang. *Còn hay không chủ nghĩa thực dân*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

(4). V. I. Lênin. *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*. Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1975.

(5). C. Mác - F. Ăng-ghe-n. *Tuyển tập*. Tập I. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.

(6). Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng. *Lịch sử thế giới cận đại*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.

(7). Nguyễn Ái Quốc. *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.